1. Actor Hệ Thống Vận Chuyển
2. UC Thanh Toán (UC12)
   1. Đặc tả use case

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Use case 12** | **Quản lý đơn hàng cá nhân** | |
| **Mục tiêu** | Cho phép khách hàng xem thông tin về đơn hàng được lưu trữ trong hệ thống | |
| **Mức** | 1 | |
| **Điều kiện tiên quyết** | Đã đặt hàng thành công | |
| **Điều kiện thành công** | Khách hàng xem được thông tin đơn hàng mong muốn | |
| **Điều kiện thất bại** | Khách hàng không xem được thông tin đơn hàng mong muốn | |
| **Tác nhân** | Khách vãng lai, thành viên, nhân viên sale | |
| **Điều kiện kích hoạt** | Chọn xem theo dõi vận chuyển | |
| **Luồng sự kiện** | **Bước** | **Hành động** |
| 1 | Khách hàng, nhân viên chọn chức năng xem đơn hàng |
| 2 | Khách hàng, nhân viên ấn xem quá trình vận chuyển |
| 3 | Hệ thống lấy thông tin đơn hàng, gửi yêu cầu cho hệ thống vận chuyển |
| 4 | Hệ thống vận chuyển phản hồi quá trình vận chuyển |
| 5 | Hệ thống phản hồi lại thông tin vận chuyển cho khách hàng, nhân viên |
| 6 | Khách hàng, nhân viên xem thông tin vận chuyển |
| 7 | UC kết thúc |
| **Luồng thay thế** | **Bước** | **Hành động rẽ nhánh** |
| **Các hình thức khác** |  | |

* 1. Biểu đồ Activity

Diagram

Description automatically generated

* 1. Biểu đồ Sequence

Diagram

Description automatically generated